

Bản án số: **319/2026/DS-PT**

Ngày: 21/4/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hà**

Bà Nguyễn Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Bích Ngọc**

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Nguyễn Diệp Liên – Kiểm sát viên

Ngày 21/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2025/DSPT ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1051/2025/DSST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2026/QĐXXPT-DS ngày 06/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xóm chợ K, Đ, xã P, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Hồng H - Công ty L - Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài G, sinh năm 1978. Địa chỉ: P Tầng A T, phường Y, Hà Nội. Tạm trú: Thôn H, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Thu T trình bày:** Bà T và ông G là bạn bè có quen biết nhau từ trước. Năm 2016, 2017 bà T có cho ông Nguyễn Hoài G vay số tiền là 540.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Ngày 10/5/2020, ông G thanh toán cho bà T số tiền 50.000.000 đồng và ông G có viết giấy xác nhận còn nợ lại bà T số tiền 490.000.000 đồng và hẹn ngày 25/8/2020 là hạn ông G phải trả bà T số tiền trên. Sau đó, ông G liên tục chây ỳ không thanh toán khoản tiền còn nợ cho bà T. Đến ngày 30/01/2022 ông G tự viết tiếp vào giấy nhận nợ trên và xác nhận vẫn nợ bà T số tiền

nợ gốc là 490.000.000 đồng và hạn ngày 30/12/2022 sẽ trả nợ. Nhưng đến ngày 01/02/2024, ông G mới thanh toán cho bà T 30.000.000 đồng nợ gốc và đến ngày 25/01/2025 ông G tiếp tục thanh toán cho bà T 30.000.000 đồng nợ gốc. Như vậy, tính đến ngày 23/10/2025, ông G còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 430.000.000 đồng và chưa thanh toán khoản tiền lãi nào.

Nay, bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoài G phải thanh toán trả cho bà số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/12/2025 tổng số tiền là 683.004.238 đồng. Trong đó nợ gốc số tiền là 430.000.000đ, nợ lãi số tiền là 253.004.238 đồng. Cụ thể như sau:

- Ông G phải thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc là 430.000.000 đồng.
- Ông G phải thanh toán cho bà T tổng số tiền nợ lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm (0.027%/ngày) là 253.004.238 đồng, cụ thể:

Số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 490.000.000 đồng tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày 01/02/2024 (1255 ngày) là: $490.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1255 \text{ ngày} = 168.479.452 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng tính từ ngày 02/02/2024 đến ngày 25/01/2025 (359 ngày) là $460.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 359 \text{ ngày} = 44.587.800 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 430.000.000 đồng tính từ ngày 26/01/2025 đến ngày 30/12/2025 (339 ngày) là $430.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 339 \text{ ngày} = 39.936.986 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày 31/12/2025, ông G còn phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho bà T.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản ghi lời khai và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hoài G trình bày:

Ông G và bà T là bạn bè học cùng phổ thông. Do cần tiền làm ăn nên năm 2016, 2017 ông có vay bà T số tiền 540.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi là 03%/tháng. Việc vay nợ hai bên không viết giấy mà thỏa thuận miệng với nhau.

Ngày 10/5/2020 ông G và bà T có ký giấy xác nhận nợ, xác nhận tính đến ngày 01/12/2018 ông G còn nợ bà T 490.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó, đến ngày 30/01/2022, ông G có tự viết giấy nhận nợ với số tiền nợ gốc là 490.000.000 đồng. Khi ký giấy xác nhận nợ, hai bên không có thỏa thuận về lãi và bà T có nói với ông G là không tính lãi nữa.

Ông G xác nhận ngày 02/02/2024, ông thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 460.000.000 đồng và ngày 25/01/2025, ông thanh toán cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 430.000.000 đồng.

Hàng năm từ năm 2016 đến năm 2018, ông G có thanh toán tiền lãi hàng tháng cho bà T, lúc thì thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, có tháng ông nhờ người chuyển vào tài khoản cho bà T.

Ông G xác nhận tạm tính đến ngày 23/10/2025, ông G còn nợ bà T số tiền nợ gốc còn lại là 430.000.000 đồng. Còn đối với tiền lãi do hai bên không thỏa thuận với nhau nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do hiện nay ông đang gặp khó khăn về kinh tế, chưa thể thanh toán được ngay số tiền nợ gốc cho bà T nên đề nghị tòa án tạo điều kiện cho ông thêm thời gian để thỏa thuận với nhau về phương án thanh toán.

*** Tại bản án số 1051/2025/DSST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội đã xử và quyết định:** Căn cứ Điều 117, khoản 2 Điều 155, khoản 2 Điều 221, Điều 222, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T đối với ông Nguyễn Hoài G về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Buộc ông Nguyễn Hoài G phải thanh toán cho bà Đặng Thị Thu T tổng số tiền là 683.004.238 đồng. Trong đó nợ gốc là 430.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 25/12/2025 là 253.004.238 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/01/2026, ông Nguyễn Hoài G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ông Nguyễn Hoài G trình bày: Ông có hộ khẩu thường trú tại P Tầng A T, phường Y, Hà Nội nhưng ông đã chuyển về sinh sống tại thôn H, xã L, tỉnh Bắc Ninh từ lâu. Tuy nhiên đến nay ông vẫn chưa cắt chuyển hộ khẩu về Bắc Ninh. Ông xác nhận có vay tiền của bà T và đến ngày 10/5/2020 hai bên đã lập giấy tờ hai bên cùng ký xác nhận ông còn nợ bà T số tiền 490.000.000đ và ông đã ghi thêm dòng chữ “ngày 25/8/2020 là ngày bắt đầu phải trả dần số tiền trên”. Sau đó đến ngày 30/01/2022, ông xin bà T đến ngày 30/5/2022 sẽ trả dần đến ngày 30/12/2022. Trong quá trình từ đó đến nay, ông đã ba lần thanh toán cho bà T được 70 triệu đồng nên chỉ còn nợ bà T 420 triệu đồng. Giữa ông và bà T không có thỏa thuận lãi nên ông không chấp nhận lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị Thu T và Luật sư của bà T thống nhất trình bày: Bà T xác nhận

bà có cho ông G vay tiền và không có thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 10/5/2020 hai bên đã lập giấy tờ hai bên cùng ký xác nhận ông G còn nợ bà T số tiền 490.000.000đ. Ông G khất nợ nhiều lần và chỉ trả cho bà được 70 triệu đồng và cam kết đến ngày 30/12/2022 sẽ trả hết nhưng ông G không trả thêm cho bà đồng nào. Bà đề nghị hội đồng xét xử buộc ông G phải thanh toán cho bà số tiền 420 triệu đồng tiền gốc và tính lãi số tiền này từ ngày 30/12/2022 cho đến bây giờ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Hoài G có hộ khẩu thường trú ở P Tầng A T, phường Y, Hà Nội tại thời điểm Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, ông G cho rằng đã chuyển về Bắc Ninh sinh sống nhưng cho đến nay chưa cắt chuyển hộ khẩu thường trú. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của ông G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận đến ngày 10/5/2020 hai bên đã lập giấy tờ hai bên cùng ký xác nhận ông G còn nợ bà T số tiền 490.000.000 đ và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Sau đó ông G đã trả bà T được 70 triệu đồng và hẹn đến hạn cuối là ngày 30/12/2022 ông G sẽ trả hết cho bà T. Tuy nhiên cho đến nay, ông G chưa thanh toán được cho bà T. Do vậy cần buộc ông G trả cho bà T số tiền 420.000.000đ nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 31/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Ông Nguyễn Hoài G có hộ khẩu thường trú ở P Tầng A T, phường Y, Hà Nội tại thời điểm Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, ông G cho rằng đã chuyển về Bắc Ninh sinh sống nhưng cho đến nay chưa cắt chuyển hộ khẩu thường trú. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của ông G.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đều thừa nhận đến ngày 10/5/2020 hai bên đã lập giấy tờ hai bên cùng ký xác nhận ông G còn nợ bà T số tiền 490.000.000đ và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Sau đó ông G đã trả bà T được 70 triệu đồng và hẹn đến hạn cuối là ngày 30/12/2022 ông G sẽ trả hết cho bà

T. Tuy nhiên cho đến nay, ông G chưa thanh toán được cho bà T. Do vậy cần buộc ông G trả cho bà T số tiền 420.000.000đ nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 31/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó cần sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoài G không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hoài G. Sửa bản án sơ thẩm số 1051/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T đối với ông Nguyễn Hoài G về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Buộc ông Nguyễn Hoài G phải thanh toán cho bà Đặng Thị Thu T nợ gốc là 420.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 126.000.000 đồng. Tổng số tiền là 546.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoài G phải chịu 25.040.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004317 ngày 02/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Hoài G còn phải nộp 24.740.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí.

Bà T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.800.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010826 ngày 09/10/2025 tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 4 - Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND khu vực 4 - HN;
- THADS TP HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

